

Tiềm năng sản xuất nông nghiệp của vùng

Đi đầu trong cả nước về sản xuất lúa (hơn 50%), Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã chiếm tuyệt đại bộ phận xuất khẩu gạo của nước ta (trên 90%). Không những thế, với hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, đa số các tỉnh lại tiếp xúc với biển nên ĐBSCL rất có tiềm năng khai thác, nuôi trồng thủy sản cả ở nước mặn, nước ngọt và nước lợ. Thủy sản vùng này chiếm hơn 50% sản lượng và trên 65% xuất khẩu của cả nước. Với những vườn cây xanh tươi, trù phú, ĐBSCL còn là nơi có tiềm năng sản xuất trái cây, xuất khẩu sản phẩm này cũng chiếm tỷ trọng cao nhất nước.

Tuy nhiên trong nhiều năm phát triển, mặc dù đạt được những kết quả nhất định trong sản xuất nông nghiệp, nhưng ĐBSCL vẫn chưa khai thác hết tiềm năng của mình. Ở một số địa phương, sản xuất vẫn còn mang tính độc canh, năng suất thấp, thu nhập bình quân trên một ha là quá thấp so với một số nước trong khu vực. Ở một số địa phương khác, mặc dù khối lượng sản phẩm sản xuất ra là tương đối khá thì người nông dân lại gặp nhiều

khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, kết cục là hiệu quả sản xuất vẫn thấp, đời sống một bộ phận nông dân còn rất thấp. Chính vì thế, mà mức độ đáp ứng nhu cầu các mặt xã hội như: giáo dục, y tế, văn hoá... của ĐBSCL gần như là vào loại thấp nhất nước, chưa tương xứng với tiềm năng và sự đóng góp của khu vực cho nền kinh tế nước nhà.

Như vậy, để có những bước đột phá trong phát triển nông nghiệp nhằm tăng năng suất và hiệu quả, góp phần thay đổi đáng kể đời sống xã hội của người nông dân cần phải xác định đúng hướng đi, tập trung vào những ngành nào là ngành có lợi thế lớn nhất và mở rộng quy mô, tạo ra những vùng chuyên canh lớn theo hướng sản xuất hàng hoá, đồng thời phải có các giải pháp giải quyết tốt đầu ra cho sản phẩm của người nông dân.

Trước tình hình đó (chẳng những ở ĐBSCL mà cả ở nhiều nơi khác trên phạm vi toàn quốc), ngày 15.6.2000 Chính phủ đã ban hành Quyết định 09/2000/QĐ-CP về

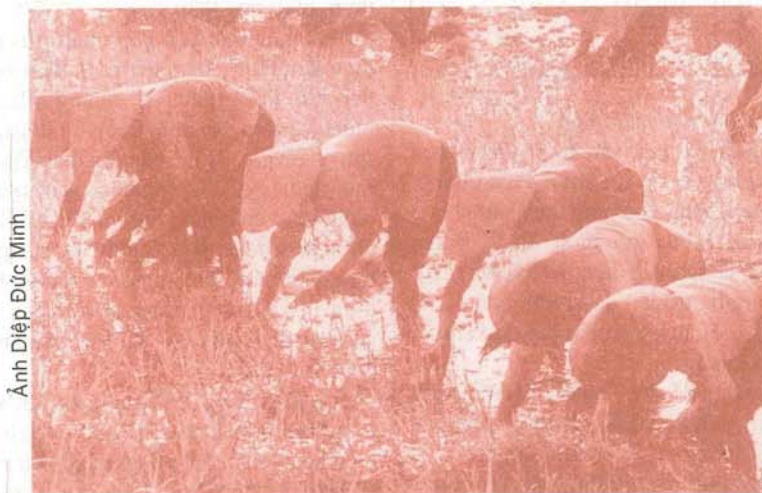
"Một số chủ trương và chính sách về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp". Và sau đó là việc Nhà nước phát động phong trào chuyển đổi cơ cấu sản xuất hướng tới xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha và hộ nông dân thu nhập 50 triệu đồng/hộ. Tất cả đã tạo tiền đề pháp lý để các hộ nông dân yên tâm chuyển dịch và thực hiện phong trào thi đua "Toàn dân làm kinh tế giỏi" do Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải chính thức phát động theo tinh thần Nghị quyết lần thứ 5 của Ban chấp hành trung ương Đảng khoá 9.

Trước đây ở ĐBSCL cũng đã có hiện tượng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên chỉ mang tính lẻ tẻ, tự phát. Nhưng từ khi có QĐ 09/2000/QĐ-CP, quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL đã chuyển sang một giai đoạn mới.

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long

Những kết quả ban đầu

GS.TS. HOÀNG THỊ CHÍNHH



Ảnh Diệp Đức Minh

Những kết quả ban đầu

Trải qua hơn 3 năm đi vào cuộc sống, Quyết định 09 của Chính phủ đã có những tác động nhất định đến sự phát triển nông nghiệp của cả nước, trong đó có vùng ĐBSCL.

Kết quả ban đầu được ghi nhận như sau:

Thứ nhất, sản xuất nông nghiệp (cả ngư nghiệp và lâm nghiệp) phát triển với tốc độ tăng trưởng cao. Theo số liệu của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, tính bình quân trong 3 năm (2000-2003), giá trị sản lượng nông nghiệp của cả vùng tăng trưởng gần 7%/năm, trong khi đó giai đoạn 1996-2000 chỉ tăng trưởng có 5%/năm. Điều đáng chú ý là không chỉ có các tỉnh ven biển như Cà Mau, Bạc Liêu... giá trị sản lượng tăng cao do nuôi trồng thủy sản tăng mạnh mà cả những vùng trung tâm như An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp... cũng có sự tăng trưởng khá nhờ lựa chọn được những cây trồng, vật nuôi có hiệu quả hơn.

Thứ hai, cơ cấu trong toàn ngành và trong mỗi ngành đều có sự thay đổi nhất định. Thí dụ, nếu năm 2000, cơ cấu giá trị sản lượng trong toàn ngành nông- lâm-ngư lần lượt là: 74,34%; 1,62% và 24,04% thì đến năm 2003 cơ cấu tương ứng là: 73,5; 1,5% và 25%. Đặc biệt ngành thủy sản ngày

càng trở nên quan trọng, được nhiều tỉnh xác định là ngành “mũi nhọn” và chiếm tỷ lệ cao trong toàn bộ ngành nông nghiệp nói chung.

Trong ngành nông nghiệp thì có xu hướng là giảm tỷ trọng sản lượng ở ngành trồng trọt, tăng sản lượng ở ngành chăn nuôi; trong trồng trọt thì lại giảm tỷ trọng sản lượng cây lương thực, tăng các loại rau, quả. Đó là hướng tích cực nhằm nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác.

Thứ ba, để đạt được sự thay đổi trong cơ cấu giá trị sản lượng đòi hỏi phải có sự bố trí lại ruộng đất. Trong 3 năm qua, cơ cấu đất đai nông nghiệp ở vùng ĐBSCL đã có sự thay đổi đáng kể theo hướng giảm đất lúa, tăng đất trồng cây ăn trái và các loại rau, màu thực phẩm. Đặc biệt đất nuôi trồng thủy sản đã tăng lên nhanh chóng (Bảng 1).

Bảng 1: Biến đổi diện tích đất nông nghiệp ở ĐBSCL giai đoạn 2000- 2003

Các loại đất	Năm 2000 (ha)	Năm 2003 (ha)	Tăng(+), giảm (-), ha	Tỷ lệ tăng(+), giảm (-), %
- Đất lúa, lúa-màu	2.082.662	1.894.084	- 188.578	- 9,1
- Đất nuôi trồng thủy sản	229.352	541.536	+ 312.184	+ 136,1
- Đất trồng cây ăn trái	197.320	234.210	+ 36.890	+ 18,7

Nguồn : Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn

Thứ tư, hình thành nhiều mô hình sản xuất mới có hiệu quả cao. Thí dụ mô hình chuyên cây ăn trái ở Tiền Giang; mô hình lúa-rau-màu ở An Giang; mô hình thủy sản- lúa ở Cà Mau, Sóc Trăng, Bạc Liêu; mô hình VAC ở An Giang...Tinh chung cho cả vùng, tỷ lệ diện tích có thu nhập bình quân từ 50 triệu đồng/ha trở lên đã chiếm hơn 12%, trong đó 2 tỉnh có quy mô diện tích lớn nhất đạt tiêu chuẩn này là An Giang và Tiền Giang.

Thứ năm, người nông dân đã chú ý nhiều hơn đến việc ứng dụng phương thức sản xuất tiên tiến, lựa chọn giống có giá trị cao, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm...., Thí dụ, trong ngành trồng lúa, người nông dân đã chú ý nhiều hơn đến chất lượng, hiệu quả và nhu cầu thị trường chứ không chỉ chạy theo số lượng như trước đây. Việc phục hồi lại các giống lúa đặc sản của địa phương như: Nàng hương, Tài nguyên, lúa thơm nhập nội, lúa nếp... đã làm tăng giá trị của ngành sản xuất lúa. Hoặc trong ngành trồng cây ăn quả, ngoài việc chuyển đổi theo hướng tập trung vào các loại trái cây đặc sản có giá trị cao như: xoài cát Hoà Lộc, bưởi Năm Roi, bưởi da xanh, vú sữa Lò Rèn, nhãn Xung cơm vàng...., có nơi còn quảng bá thương hiệu sản phẩm của mình (như bưởi Năm Roi của Vĩnh Long) hay áp dụng kỹ thuật xử lý rải vụ thu hoạch nên bán được giá cao hơn.

Thứ sáu, đời sống một bộ phận nông dân đã được cải thiện, các nhu cầu xã hội đáp ứng tốt hơn. Nếu so với năm 2000, tỷ lệ nghèo đói ở ĐBSCL có giảm đi, tỷ lệ các hộ khá và giàu tăng 1,3 lần. Hệ thống cơ sở hạ tầng như trạm, trường, đường, điện đã được tăng cường hơn trước khi

chuyển dịch. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp đã tạo thêm việc làm cho gần 100.000 người và góp phần làm thay đổi cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm lao động trồng trọt, tăng lao động cho các ngành dịch vụ chế biến nông- lâm sản và thủy sản. Nhờ đó, thu nhập bình quân của một hộ ở ĐBSCL đã tăng từ 21 triệu đồng (năm 2000) lên gần 25 triệu đồng vào năm 2003.

Những mặt còn yếu kém

Tuy đã được những kết quả trên đây, song chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong 3 năm qua của vùng ĐBSCL vẫn bộc lộ một số mặt nhược điểm, đó là:

1. Tốc độ chuyển dịch còn chậm, tỷ trọng diện tích đạt trên 50 triệu đồng/ha còn thấp. Tính bình quân cho cả vùng, 1 hectare mới thu được 27,64 triệu đồng, trong khi đó vùng Đồng bằng sông Hồng đã đạt 37,23 triệu đồng. Trong ngành nông-lâm-ngư thì chỉ có ngư nghiệp là có tốc độ chuyển dịch nhanh, còn trong nông nghiệp, tỷ trọng cây lương thực, đặc biệt là lúa vẫn còn cao, các cây trồng khác chưa phát triển mạnh, chưa tạo được những vùng chuyên canh lớn về trái cây. Một số mặt hàng có nhu cầu cao, là nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản như đậu nành, bắp, bò sữa...thì quy mô còn nhỏ bé, sản xuất manh mún, hiệu quả thấp.

2. Sản xuất còn gặp nhiều rủi ro do thời tiết khí hậu thay đổi bất thường, thiên tai dịch bệnh phát sinh gây tổn thất lớn, nhưng chưa có những biện pháp khống chế hữu hiệu dẫn đến sản xuất thiếu ổn định, nhất là đối với những sản phẩm có quy mô chuyển dịch lớn như thủy sản, trái cây, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày... Thí dụ, tôm chết hàng loạt, có những tỉnh như Cà Mau năm 2002 diện tích tôm chết chiếm 31%; 2 tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu diện tích tôm chết năm 2003 chiếm tới hơn 40% ở mỗi tỉnh so với tổng diện tích nuôi trồng. Hoặc bệnh vàng lá trên cây ăn trái có múi cũng gây tác hại lớn mà chưa có biện pháp khắc phục triệt để.

3. Khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp trong vùng còn kém so với các nước trong khu vực. Theo kết quả điều tra của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn thì ở ĐBSCL chỉ có gạo, thủy sản và một số loại trái cây đặc sản là có khả năng cạnh tranh tương đối khá so với các nước trong khu vực. Còn nhiều sản phẩm khác như sản phẩm chăn nuôi, các loại trái cây khác, bắp, bông, mía đường, đậu nành... đều có giá thành cao hơn các nước trong khu vực từ 20-30% và chất lượng cũng kém hơn.

4. Công tác dự báo thị trường, xúc tiến thương mại còn yếu, người nông dân luôn ở tình trạng bị động. Cũng chỉ vì lý do không giải quyết được đầu ra cho sản phẩm mà ở một số địa phương, người nông dân ngại chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, đành chấp nhận sản xuất manh mún, hiệu quả thấp như bấy lâu nay. Trong khi đó, nguồn thông tin về thị trường, giá cả đến với người nông dân không cập nhật. tình trạng phá cây này, trồng cây kia một cách tự phát vẫn xảy ra. Còn nhớ, ở các vùng trồng cây ăn trái như Tiền Giang, Bến Tre, người nông dân sẵn sàng chặt bỏ cả một vườn nhãn đang xanh tốt chỉ vì không xuất được sang Trung Quốc.

5. Ô nhiễm và suy thoái môi trường đang là nguy cơ đối với ĐBSCL. Do chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp chưa gắn với việc phát triển cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống thủy lợi nên ở một số vùng có diện tích nuôi tôm lớn như Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, nguồn nước đang bị ô nhiễm nặng nề, thiếu nước sạch phục vụ nuôi tôm, thậm chí có nhiều nơi bị ô nhiễm cục bộ, dịch bệnh lây lan... Vì chỉ chú ý đến lợi ích kinh tế do con tôm mang lại, nhiều người sẵn sàng tiêu diệt hoặc hạn chế sự phát triển của các giống loài khác dẫn đến hệ sinh thái ở vùng nuôi tôm ngày càng trở nên đơn điệu. Người viết bài này đã có dịp cùng nhóm nghiên cứu khảo sát ở một số huyện thuộc tỉnh Cà Mau như Đầm Dơi, Cái Nước, U Minh thì thấy cảnh quan ở một số vùng chuyển sang nuôi tôm đã trở nên xác xơ, tiêu điều: mỗi ngày nào những rừng dừa quanh lộ còn xanh tốt, những cây trái trong vườn nhà còn xum xuê... thì nay tất cả đã chết hoặc héo vàng đứng chờ vớ vì bị nước mặn xâm lấn (do người dân đưa nước mặn vào để nuôi tôm).

Trong ngành trồng trọt thì do lượng phân hoá học được dùng tối đa mà ít có sự kết hợp với các loại phân khác đã làm cho nguồn nước cũng bị ô nhiễm. Ở một số vùng sinh thái lâm nghiệp cũng chỉ vì chạy theo con tôm mà diện tích rừng bị suy giảm do bị xâm mặn và cháy rừng. Trong chăn nuôi, do đàn gia súc tăng song lại không có hệ thống xử lý chất thải nên cũng gây ra ô nhiễm.

Và những giải pháp

Để tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp thành công ở ĐBSCL, cần giải quyết đồng bộ một số vấn đề sau:

1. Phải làm tốt công tác quy hoạch. Để tránh tình trạng tự phát trong dân, đây phải là công việc làm đầu tiên. Muốn vậy quy hoạch phải được xây dựng trên cơ sở khoa học có tính đến mục tiêu phát triển bền vững của khu vực và toàn vùng, đồng thời có sự tham gia và phối hợp tích cực giữa các ban ngành chức năng. Từ quy hoạch tổng thể xây dựng quy hoạch cho đến cấp cơ sở từng vùng, tiểu vùng cho từng cây trồng. Từ quy hoạch phải cụ thể hoá bằng các kế hoạch chuyển dịch cho từng năm trên cơ sở nguồn lực và nhu cầu thị trường, tuyệt đối không được nóng vội trong chuyển dịch.

2. Đầu tư thỏa đáng cho việc phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công tác thủy lợi. Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng đã được Trung ương và địa phương đầu tư nhưng vẫn chưa tương xứng với nhu cầu chuyển dịch, cần phải tiếp tục đầu tư thêm, nhất là những vùng chuyển đổi từ cây lúa sang con tôm, hoặc mô hình tôm-lúa đang được xác định là mô hình phát triển bền vững ở một số địa phương hiện nay. Đối với mô hình này, hệ thống thủy lợi vừa phải ngăn mặn giữ nước ngọt, tiêu úng sủi phèn cho vụ sản xuất lúa, vừa phải bảo đảm cấp đủ nước mặn sạch và tiêu thoát hết nước thải cho vụ sản xuất tôm.

Ngoài ra, hệ thống giao thông đồng ruộng, mạng lưới điện và chợ nông thôn cũng cần phải được đầu tư thêm để nâng cấp và xây dựng mới nhằm phục vụ cho nhu cầu chuyển dịch.

3. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp đòi hỏi

phải có đủ vốn, cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Trên thực tế, thời gian qua ở nhiều địa phương, nguồn tín dụng vẫn không thể đáp ứng được, các thủ tục đi vay còn nhiều khó khăn. Mức cho vay lại bị khống chế theo quy định bảo đảm tiền vay của Chính phủ. Bên cạnh đó, giá trị tín dụng sử dụng đất theo Nhà nước quy định thấp hơn rất nhiều so với giá thị trường khiến mức vay ít, không đáp ứng được nhu cầu chuyển dịch, nhất là các hộ có quy mô sản xuất lớn. Do đó tăng cường huy động mọi nguồn vốn, đảm bảo có đủ vốn cho các hộ vay là nhiệm vụ quan trọng đối với các ngân hàng thương mại ở các địa phương, đồng thời mức vay không nên cứng nhắc mà căn cứ vào nhu cầu vay vốn theo dự án đầu tư, theo phương án sản xuất và khả năng tài chính của các hộ.

4. Chất lượng nguồn lao động là yếu tố sống còn góp nên sự thành công trong quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Thực tế đã cho thấy đa số các hộ, các trang trại chuyển dịch thành công trong thời gian qua đều là những hộ, những trang trại mà chủ hộ, chủ trang trại là những người có trình độ học vấn, có kiến thức nhất định, biết cân nhắc tính toán, làm ăn có bài bản, thận trọng. Do đó, việc đào tạo một đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn, có đầu óc tính toán làm ăn là rất cần thiết cho các vùng chuyển dịch. Vì sản xuất những sản phẩm như tôm sú, trái cây, bò sữa... là những sản phẩm chủ yếu của vùng chuyển dịch, chúng đòi hỏi những quy trình sản xuất nghiêm ngặt với những lao động có trình độ chuyên môn nhất định. Các địa phương cần có chính sách liên kết với các trường, các viện trong vùng để họ cung cấp các lao động có trình độ chuyên môn cao hoặc huấn luyện người nông dân thông qua các lớp học ngắn ngày để họ có kiến thức nhất định về kỹ thuật, về kinh tế, về tổ chức quản lý...

5. Thúc đẩy xúc tiến thương mại và phát triển thị trường là giải pháp quan trọng để giải quyết đầu ra cho người nông dân. Muốn vậy, cần tiếp tục thực hiện tốt QĐ 80 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng, tạo thói quen sản xuất theo đơn đặt hàng trên cơ sở cam kết về tiêu chuẩn và chất lượng. Ở đây, vai trò của mối liên kết "4 nhà" là rất quan trọng, trong đó mối quan hệ giữa nhà nông và nhà doanh nghiệp giữ vị trí nông cốt nhằm giúp nông dân bán được nhiều nông sản với giá ổn định, hai bên đều có lợi.

Tóm lại, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp là hướng đi đúng của ĐBSCL. Kết quả 3 năm qua đã khẳng định điều đó. Tuy nhiên, tất cả chỉ mới bắt đầu. Để quá trình chuyển dịch đó thành công đòi hỏi phải đầu tư nhiều hơn nữa cả về tài lực lẫn vật lực, phấn đấu đưa nền nông nghiệp ĐBSCL phát triển nhanh-mạnh-vững chắc ngang tầm với trình độ của các nước trong khu vực ■

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo "Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phấn đấu xây dựng nhiều cánh đồng, trang trại, hộ nông dân đạt và vượt giá trị sản xuất 50 triệu đồng/ha/năm", Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội 1.3.2004.
2. Báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp 3 năm 2001-2003, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hà Nội 14.4.2004.